

PHIẾU TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC

I. Thông tin văn bản đến:

1. Số, ký hiệu văn bản: 06 Ngày đến: 02/02/2015; Hạn giải quyết công việc:/...../2015.

2. Ý kiến chỉ đạo, xử lý của lãnh đạo: phòng HTĐT, photo CTĐ

Ngày tháng 02 năm 2015

3. Ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo khối: _____

Ngày 2 tháng 2 năm 2015

4. Lãnh đạo phòng phân công cán bộ xử lý: _____

Ngày tháng năm 2015

II. Thông tin xử lý văn bản:

Vấn đề trình:

Cơ quan gửi văn bản yêu cầu giải quyết:

KẾT QUẢ XỬ LÝ SAU KHI ĐÃ THẨM TRA	Ý KIẾN CỦA LÃNH ĐẠO PHÒNG (Trước khi trình lãnh đạo Sở)
Họ và tên:	
	GIẢI QUYẾT CỦA LÃNH ĐẠO SỞ

III. Kết quả giải quyết (Do chuyên viên giải quyết ghi).

- Đã ban hành văn bản số ngày tháng năm 2015 (đính kèm hồ sơ nộp lưu).

- Hồ sơ nộp lưu giữ ngày tháng năm 2015 Gồm có:

Văn thư ký nhận:

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định áp dụng một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với nhà đầu tư vào Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;
- Căn cứ Luật Đầu tư năm 2005;
- Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;
- Căn cứ Luật Công nghệ cao năm 2008;
- Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Căn cứ Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;
- Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;
- Căn cứ Nghị định số 218/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn luật thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Căn cứ Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020;
- Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;
- Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 07 tháng 4 năm 2011 của Tỉnh ủy Đắk Nông về phát triển nông nghiệp công nghệ cao giai đoạn 2010 - 2015 định hướng đến 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trình số 302/TTr-SNN ngày 24 tháng 12 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định áp dụng một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với nhà đầu tư vào Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Lao động, Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Công thương, Ngoại vụ, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Đắk Nông; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Báo Đắk Nông;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- PCVP: Hoàng Văn Thuần;
- Lưu VT, NN (Th).

51

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Diễn

QUY ĐỊNH

Áp dụng một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với nhà đầu tư vào Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 06 /2015/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 04 năm 2015 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về việc áp dụng một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với nhà đầu tư vào Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Đối tượng áp dụng, điều kiện áp dụng

1. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng áp dụng quy định này là các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có dự án đầu tư vào Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông (sau đây gọi tắt là Nhà đầu tư) và các cá nhân thuộc diện thu hút nguồn nhân lực công nghệ cao vào làm việc tại Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

b) Các cơ quan, đơn vị của tỉnh liên quan đến thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ đối với nhà đầu tư.

2. Điều kiện áp dụng:

a) Các hoạt động đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp bao gồm: Trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; sản xuất cung ứng giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản; chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản có ứng dụng công nghệ cao.

b) Các dự án đáp ứng tiêu chí dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và thuộc Danh mục dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư và dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư theo quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Điều 3. Tiêu chí dự án đầu tư vào Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Đắk Nông

Dự án được xác định là dự án ứng dụng công nghệ cao phải đáp ứng được các tiêu chí sau đây:

1. Công nghệ được sử dụng trong dự án ứng dụng công nghệ cao phải là công nghệ thế hệ mới và thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển.

2. Dự án ứng dụng công nghệ cao phải thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Sử dụng kết quả nghiên cứu về công nghệ cao để đổi mới công nghệ, đổi mới và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm góp phần hiện đại hóa hoặc hình thành ngành sản xuất, dịch vụ mới tại Việt Nam.

b) Sản xuất thử nghiệm sản phẩm công nghệ cao nhằm hoàn thiện công nghệ.

c) Làm chủ, thích nghi công nghệ cao nhập từ nước ngoài vào điều kiện thực tế Việt Nam.

d) Xây dựng mô hình và đầu tư sản xuất sản phẩm để chế tạo ra các sản phẩm có tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường có thể thay thế sản phẩm nhập khẩu.

3. Số lao động có bằng đại học trở lên trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu và phát triển phải đạt ít nhất 5% tổng số lao động trong dự án.

4. Tổng chi bình quân cho hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện tại Việt Nam hàng năm phải đạt ít nhất 1% tổng doanh thu của dự án. Nội dung chi hoạt động nghiên cứu và phát triển bao gồm:

a) Tiền lương, tiền công, phụ cấp cho cán bộ nghiên cứu và phục vụ nghiên cứu; thù lao cho chuyên gia nhận xét, phản biện, đánh giá kết quả nghiên cứu; tiền công cho các đối tượng lao động khác tham gia và phục vụ nghiên cứu; chi hội thảo, hội nghị khoa học liên quan đến nội dung nghiên cứu của dự án; chi cho đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ nghiên cứu.

b) Mua và vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hóa chất, nhiên liệu, năng lượng, phục vụ cho nghiên cứu.

c) Mua sản phẩm mẫu, tài liệu, số liệu quan trắc, số liệu điều tra, thông tin điện tử, văn phòng phẩm, vật dụng bảo hộ lao động phục vụ cho nghiên cứu.

d) Thuê cơ sở, trang thiết bị phục vụ cho nghiên cứu, thí nghiệm và thử nghiệm.

5. Hệ thống quản lý chất lượng của dự án phải đạt các tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2008, CMM hoặc GMP (tuỳ theo đặc thù dự án ứng dụng công nghệ cao áp dụng tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế).

6. Dự án phải tuân thủ các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trong lĩnh vực hoạt động của dự án theo quy định của pháp luật Việt

Nam. Khuyến khích dự án đạt được các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường như ISO 14000 hoặc tiêu chuẩn tương đương.

Chương II

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 4. Ưu đãi về đất đai

1. Miễn, giảm tiền sử dụng đất:

a) Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư được miễn tiền sử dụng đất (*Áp dụng theo Khoản 1, Điều 5, Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn - Sau đây gọi tắt là Nghị định số 210/2013/NĐ-CP*).

b) Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư được giảm 70% tiền sử dụng đất (*Áp dụng theo Khoản 2, Điều 5, Nghị định số 210/2013/NĐ-CP*).

c) Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư được giảm 50% tiền sử dụng đất (*Áp dụng theo Khoản 3, Điều 5, Nghị định số 210/2013/NĐ-CP*).

2. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước:

a) Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước kể từ ngày dự án hoàn thành đi vào hoạt động (*Áp dụng theo Khoản 2, Điều 6, Nghị định số 210/2013/NĐ-CP*).

b) Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong 15 năm đầu kể từ ngày dự án hoàn thành đi vào hoạt động (*Áp dụng theo Khoản 3, Điều 6, Nghị định số 210/2013/NĐ-CP*).

c) Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong 11 năm đầu kể từ ngày dự án đi vào hoạt động (*Áp dụng theo Khoản 4, Điều 6, Nghị định số 210/2013/NĐ-CP*).

d) Nhà đầu tư có dự án đầu tư vào Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông được miễn tiền thuê đất đối với diện tích đất xây dựng nhà ở cho công nhân, đất trồng cây xanh và đất phục vụ phúc lợi công cộng (*Áp dụng theo Khoản 5, Điều 6, Nghị định số 210/2013/NĐ-CP*).

3. Giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước

Thuê đất, thuê mặt nước để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản mà bị thiên tai, hỏa hoạn làm thiệt hại dưới 40% sản lượng được xét giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước tương ứng; thiệt hại từ 40% trở lên thì được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với năm bị thiệt hại (*Áp dụng theo điểm b, Khoản 1, Điều 20, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước*).

4. Đơn giá cho thuê đất

Đơn giá cho thuê đất, thuê mặt nước của mỗi dự án được xác định tại thời điểm cho thuê đất, thuê mặt nước và được áp dụng mức giá thấp nhất tương ứng trong bảng đất do UBND tỉnh Đắk Nông quy định và được giữ ổn định trong vòng 05 năm (*Áp dụng theo Khoản 1, Điều 6, Nghị định số 210/2013/NĐ-CP*).

Điều 5. Ưu đãi về giá nước sản xuất và giá nước sinh hoạt

1. Đối với nước thủy lợi phục vụ hoạt động tưới tiêu cho cây trồng thực hiện theo Quyết định số 12/2013/QĐ-UBND ngày 17/06/2013 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành quy định mức thu thủy lợi phí, tiền nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Giá nước sạch sinh hoạt được tính thấp hơn hoặc bằng giá nước sạch sinh hoạt do UBND tỉnh Đắk Nông phê duyệt.

Điều 6. Ưu đãi về phí xử lý nước thải và phí bảo trì công trình

1. Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp được tính theo Khoản 2, Điều 5 Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 03 năm 2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

2. Nhà đầu tư có trách nhiệm chi trả chi phí bảo trì công trình theo Quyết định của UBND tỉnh Đắk Nông và theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 7. Ưu đãi về thuế

1. Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hưởng mức ưu đãi cao nhất theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (*Áp dụng theo Khoản 2, Điều 19 Luật Công nghệ cao*).

2. Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

a) Áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 (mười lăm) năm (*Áp dụng Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 218/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp*).

b) Miễn thuế tối đa 4 (bốn) năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (*Áp dụng theo điểm a, Khoản 1, Điều 16 Nghị định số 218/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp*).

Điều 8. Chính sách hỗ trợ phòng chống thiên tai, dịch bệnh

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

Điều 9. Hỗ trợ đầu tư

1. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực:

Hỗ trợ 70% kinh phí đào tạo nghề trong nước. Mỗi lao động chỉ được hỗ trợ đào tạo một lần và thời gian đào tạo được hỗ trợ kinh phí không quá 6 tháng. Mức kinh phí đào tạo phải phù hợp với quy định hiện hành (*Áp dụng điểm a, Khoản 1, Điều 9, Nghị định số 210/2013/NĐ-CP*).

2. Hỗ trợ phát triển thị trường và xây dựng thương hiệu:

Hỗ trợ 50% chi phí quảng cáo doanh nghiệp và sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng; 50% chi phí tham gia triển lãm hội chợ trong nước; được giảm 50% phí tiếp cận thông tin thị trường và phí dịch vụ từ cơ quan xúc tiến thương mại của Nhà nước (*Áp dụng theo điểm b, Khoản 1, Điều 9, Nghị định số 210/2013/NĐ-CP*).

3. Hỗ trợ áp dụng khoa học công nghệ:

Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu tạo ra công nghệ mới do doanh nghiệp chủ trì thực hiện nhằm thực hiện dự án, hoặc doanh nghiệp mua bản quyền công nghệ thực hiện dự án; được hỗ trợ 30% tổng kinh phí đầu tư mới để thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm (*Áp dụng theo điểm c, Khoản 1, Điều 9, Nghị định số 210/2013/NĐ-CP*).

4. Hỗ trợ đầu tư:

Nhà đầu tư được ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng, cơ sở sản xuất, lò sấy (*Áp dụng Điều 11; Điều 12; Điều 14; Điều 15; Điều 16, Nghị định số 210/2013/NĐ-CP*).

Điều 10. Nguồn vốn thực hiện

Ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương, vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án, ngân sách địa phương và nhà đầu tư để thực hiện phát triển Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Đắk Nông.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thị xã

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các Sở, ngành thẩm định, đánh giá và công nhận tiến bộ khoa học và công nghệ mới trong nông nghiệp của các dự án đầu tư.

2. Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các hoạt động đầu tư vào Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông; là cơ quan đầu mối trong việc hướng dẫn nhà đầu tư tìm hiểu và thực hiện dự án đầu tư vào Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông; định kỳ 6 tháng 1 lần, báo cáo UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tình hình thực hiện.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh về kế hoạch và bố trí vốn đầu tư từ ngân sách hàng năm của tỉnh phục vụ cho phát triển cơ sở hạ tầng trong Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông; Phối hợp Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông, Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh giải quyết cho vay vốn để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng dùng chung của Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông thuộc đối tượng vay vốn tín dụng đầu tư theo quy định hiện hành. Ngân sách tỉnh sẽ bố trí kế hoạch vốn hàng năm để thanh toán nợ gốc, lãi vay.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh hướng dẫn và cấp Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho nhà đầu tư (đối với trường hợp thành lập doanh nghiệp để thực hiện dự án).

4. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh có trách nhiệm thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các nhà đầu tư có dự án đầu tư vào Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông theo quy định.

5. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ngành thẩm định các hồ sơ liên quan đến việc thực hiện hỗ trợ về khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành.

6. Sở Ngoại vụ, Trung tâm Xúc tiến đầu tư phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan có trách nhiệm quảng bá và kêu gọi dự án đầu tư vào Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

7. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành thẩm định các hồ sơ liên quan đến việc hỗ trợ đào tạo lao động, dạy nghề.

8. Các Sở, Ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã Gia Nghĩa, Công an tỉnh Đắk Nông, Cục thuế tỉnh Đắk Nông, Công ty Điện lực Đắk Nông, Công ty Cấp nước Đắk Nông cần cử chức năng, nhiệm vụ của mình thực hiện chức năng quản lý nhà nước và các lĩnh vực có liên quan đối với Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư

Nhà đầu tư vào Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông được đảm bảo thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật đầu tư và Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành của Luật Đầu tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung quy định

1. Quy định này được sửa đổi, bổ sung khi có các cơ chế, chính sách mới của Trung ương và của tỉnh để tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư áp dụng theo từng thời điểm.

2. Trong quá trình triển khai tổ chức, thực hiện quy định này nếu có khó khăn vướng mắc phát sinh thì các Sở, Ban, ngành, các tổ chức, cá nhân phản

ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông để tổng hợp, báo cáo trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Diễn

ĐẮK NÔNG
KỶ

